

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH
KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ
ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2010**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 26



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Sỹ Thắng	Chủ tịch
Ông Đoàn Văn Nhuộm	Ủy viên
Bà Nguyễn Minh Ngọc	Ủy viên
Ông Hà Anh Tuấn	Ủy viên
Ông Vũ Quý Hiệu	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Đoàn Văn Nhuộm	Tổng Giám đốc
Ông Hà Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Nghị	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Quý Hiệu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duyên Hiếu	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2010)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Đoàn Văn Nhuộm

Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2011

Số: 192 /2011/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 26. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Trần Đình Nghi Hạ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0288/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 17 tháng 3 năm 2011
Tp. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Cao Nguyên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1184/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAMLầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.184.124.553.416	672.007.597.627
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	349.978.091.548	167.310.616.217
1. Tiền	111		270.978.091.548	147.113.838.438
2. Các khoản tương đương tiền	112		79.000.000.000	20.196.777.779
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		71.100.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	71.100.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		571.881.759.825	390.201.814.809
1. Phải thu khách hàng	131		510.222.265.986	376.301.306.672
2. Trả trước cho người bán	132		26.720.728.508	19.111.070.007
3. Các khoản phải thu khác	135		39.646.262.528	3.755.580.677
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(4.707.497.197)	(8.966.142.547)
IV. Hàng tồn kho	140	7	135.238.805.745	75.649.210.688
1. Hàng tồn kho	141		135.238.805.745	75.649.210.688
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		55.925.896.298	38.845.955.913
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		13.662.327.343	7.045.697.429
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		37.408.503.690	24.817.637.466
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	94.364.469
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.855.065.265	6.888.256.549
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.301.446.931.294	559.670.370.342
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.160.047.000	85.500.000
1. Phải thu dài hạn khác	218		6.160.047.000	85.500.000
II. Tài sản cố định	220		913.071.616.936	313.895.717.620
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	783.738.491.028	273.327.375.616
- Nguyên giá	222		933.712.544.051	306.696.972.521
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(149.974.053.023)	(33.369.596.905)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	9	54.268.768.464	866.258.818
- Nguyên giá	225		55.482.747.970	1.521.235.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.213.979.506)	(654.976.182)
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	19.218.888.100	11.475.044.588
- Nguyên giá	228		20.520.426.401	11.660.825.730
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.301.538.301)	(185.781.142)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	55.845.469.344	28.227.038.598
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		64.893.919.082	108.217.717.443
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	13	50.040.701.639	37.264.500.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	14	17.254.328.270	73.354.328.270
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	14	(2.401.110.827)	(2.401.110.827)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		317.321.348.276	137.471.435.279
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	316.886.220.203	137.471.435.279
2. Tài sản dài hạn khác	268		435.128.073	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.485.571.484.710	1.231.677.967.969

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAMLầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.921.862.273.195	1.039.434.327.877
I. Nợ ngắn hạn	310		1.349.370.260.047	801.328.573.515
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	288.514.610.651	29.973.442.913
2. Phải trả người bán	312		907.842.272.469	561.814.806.901
3. Người mua trả tiền trước	313		1.469.145.357	12.191.540.675
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	37.081.115.384	1.776.232.253
5. Phải trả người lao động	315		19.778.771.837	10.026.161.976
6. Chi phí phải trả	316		37.283.051.935	5.222.542.049
7. Phải trả nội bộ	317		-	173.834.759.200
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	18	51.699.420.180	5.133.458.195
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.701.872.234	1.355.629.353
II. Nợ dài hạn	330		572.492.013.148	238.105.754.362
1. Phải trả dài hạn khác	333	19	129.298.514.249	61.000.303.224
2. Vay và nợ dài hạn	334	20	438.965.635.371	177.105.451.138
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		2.227.863.528	-
4. Quỹ phát triển khoa học kỹ thuật	339		2.000.000.000	-
B. NGUỒN VỐN	400		350.639.273.403	192.243.640.092
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	350.639.273.403	192.243.640.092
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		158.756.000.000	150.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.454.149.698	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		104.188.557.128	8.067.984.108
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		13.022.716.368	3.860.010.782
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		72.217.850.209	30.315.645.202
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	22	213.069.938.112	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.485.571.484.710	1.231.677.967.969

**Đoàn Văn Nhuộm**
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Đăng Trình
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAMLầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	3.745.217.647.696	1.978.865.247.689
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(39.726.422.599)	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.705.491.225.097	1.978.865.247.689
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		(3.304.913.163.830)	(1.834.900.381.403)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		400.578.061.267	143.964.866.286
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	186.097.992.431	35.139.176.250
7. Chi phí tài chính	22	27	(48.170.950.552)	(18.496.549.247)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		32.273.633.849	12.615.531.243
8. Chi phí bán hàng	24		(177.895.066.239)	(101.566.760.900)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(62.070.982.126)	(12.380.839.324)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		298.539.054.781	46.659.893.065
11. Thu nhập khác	31		16.837.994.971	10.677.959.527
12. Chi phí khác	32		(3.311.833.628)	(13.946.155.691)
13. Lợi nhuận khác	40		13.526.161.343	(3.268.196.164)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		312.065.216.124	43.391.696.901
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	(37.315.896.294)	(3.418.166.389)
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	28	(40.075.963)	-
17. Lợi nhuận sau thuế	60		274.709.243.867	39.973.530.512
<i>Phân bổ cho:</i>				
- Lợi ích của cổ đông thiểu số		22	49.023.793.874	-
- Cổ đông của Công ty			225.685.449.993	39.973.530.512
18. Lãi trên cổ phiếu	70	29	14.555	2.665



Đoàn Văn Nhuộm
Tổng Giám đốc
 Ngày 17 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Đăng Trinh
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAMLầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010


MẪU B 03-DN


Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	312.065.216.124	43.391.696.901
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	65.924.303.869	12.426.300.275
Các khoản dự phòng	03	(4.258.645.350)	(1.149.626.163)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	7.643.698.682	284.056.470
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(130.049.739.903)	(22.550.818.863)
Chi phí lãi vay	06	32.273.633.849	12.615.531.243
3. Lợi nhuận từ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	283.598.467.271	45.017.139.863
Tăng các khoản phải thu	09	(223.880.436.924)	(164.798.782.912)
Tăng hàng tồn kho	10	(59.589.595.057)	(64.351.601.292)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	473.458.447.476	291.447.239.204
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước và tài sản khác	12	(186.031.414.838)	27.414.774.279
Tiền lãi vay đã trả	13	(32.273.633.849)	(12.170.195.517)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.461.793.562)	(542.135.867)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(13.759.222.354)	(3.863.150.347)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	234.060.818.163	118.153.287.411
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(613.770.640.754)	(257.579.897.127)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	3.099.419.718	28.781.703.657
3. Tiền thu hồi từ các khoản tiền gửi ngắn hạn	23	34.135.500.583	193.113.367.650
4. Góp vốn vào đơn vị khác	24	(146.039.631.557)	(37.264.500.000)
5. Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	173.910.000.000	-
6. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	26	11.996.665.835	33.072.283.031
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(536.668.686.175)	(39.877.042.789)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	12.530.276.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	653.845.683.721	56.384.675.301
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(139.151.675.159)	-
4. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(1.363.685.469)	(287.256.000)
5. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(40.585.255.750)	(1.346.643.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	485.275.343.343	54.750.775.401
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	182.667.475.331	133.027.020.023
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	167.310.616.217	34.283.596.194
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	349.978.091.548	167.310.616.217

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi xây dựng và mua sắm tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền 22.339.131.551 đồng là số tiền chi cho mua sắm tài sản cố định phát sinh trong năm chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.


Đoàn Văn Nhuộm
Tổng Giám đốc
Ngày 17 tháng 3 năm 2011


Nguyễn Đăng Trình
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty bao gồm Công ty mẹ và hai công ty con:

Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007397 ngày 25 tháng 7 năm 2007 và các giấy phép điều chỉnh với vốn điều lệ là 158.756.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số được sửa đổi ngày 24 tháng 2 năm 2011 với vốn điều lệ Công ty được điều chỉnh là 380.000.000.000 đồng. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Công ty có các chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Cần Thơ, Nha Trang, Tây Ninh, Vĩnh Long, Tiền Giang, Gia Lai, Quảng Ngãi, Bình Phước và Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 371 người (2009: 291 người).

Hoạt động chính của Công ty gồm:

- Kinh doanh khí hóa lỏng và các sản phẩm dầu khí;
- Tổ chức hệ thống phân phối, vận chuyển, đóng bình khí hóa lỏng và các vật tư thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực vận chuyển, tàng trữ, kinh doanh vận tải đường bộ, đường thủy;
- Thiết kế, xây lắp và tư vấn đầu tư các công trình khí hóa lỏng, các công trình công nghiệp khí, chuyên giao công nghệ, khai thác kinh doanh, bảo dưỡng các công trình dân dụng liên quan đến khí hóa lỏng;
- Cung cấp dịch vụ liên quan đến khí hóa lỏng và các sản phẩm khí trong lĩnh vực công nghiệp, dân dụng và giao thông vận tải;
- Xuất nhập khẩu khí hóa lỏng, các vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ cho công tác vận chuyển, tàng trữ, đóng bình và kinh doanh khí hóa lỏng;
- Kinh doanh xăng dầu nhớt và các chất phụ gia liên quan đến xăng, dầu, nhớt.

Các công ty con:

1. Công ty Cổ phần CNG Việt Nam được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động 20 năm theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492032000040 ngày 28 tháng 5 năm 2007 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các giấy phép điều chỉnh. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam là sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên CNG và LNG, quy mô 50.000.000 m³/năm; cung cấp các dịch vụ cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị chuyên đổi cho các phương tiện sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên CNG và LNG.
2. Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động 20 năm kể từ ngày 4 tháng 3 năm 1994 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 471023000142 ngày 30 tháng 6 năm 2008 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp theo như điều chỉnh. Hoạt động chính của Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam là tồn trữ khí hóa lỏng (LPG) và cung ứng cho các hộ tiêu thụ tại Việt Nam; thiết kế, lắp đặt và bảo trì các hệ thống thiết bị sử dụng gas.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty từ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm (theo VAS11- Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm)

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Bất lợi thương mại

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi thương mại được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAMLầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6- 8
Tài sản khác	3-4

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, Cụ thể, đối với các phương tiện vận tải thuê tài chính, Công ty xác định thời gian khấu hao là 6 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền thuê, thương hiệu và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn. Giá trị thương hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 9 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Các khoản đầu tư này được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác được thực hiện theo các qui định hiện hành.

Phân bổ giá trị vỏ bình gas và khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được

Giá trị còn lại của vỏ bình gas được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm.

Ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được từ khách hàng được phân bổ vào thu nhập tương ứng với thời hạn phân bổ giá trị vỏ bình gas. Số tiền đặt cọc còn lại chưa phân bổ vào doanh thu được phản ánh trên khoản mục phải trả dài hạn khác trên bảng cân đối kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
 - Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	6.225.985.525	1.779.275.655
Tiền gửi ngân hàng	264.752.106.023	144.732.179.733
Tiền đang chuyển	-	602.383.050
Các khoản tương đương tiền	79.000.000.000	20.196.777.779
	<u>349.978.091.548</u>	<u>167.310.616.217</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại các ngân hàng thương mại hưởng lãi suất từ 8% đến 14,2%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAMLầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trị giá 10.000.000.000 đồng được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty.

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền gửi có kỳ hạn tại Công ty Tài chính Dầu khí Việt Nam	13.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại Công ty Tài chính Dầu khí Việt Nam (Đầu tư)	10.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	45.000.000.000	-
Cổ phiếu PVGAS	3.100.000.000	-
	<u>71.100.000.000</u>	<u>-</u>

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này có thời gian đáo hạn trên 3 tháng và có lãi suất hàng năm từ 1% đến 14,5%; và khoản đầu tư mua 100.000 cổ phần Tổng Công ty Khí với giá trị cổ phiếu là 31.000 đồng/cổ phần.

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Hàng mua đang đi đường	40.392.495.393	276.805.128
Nguyên liệu, vật liệu	3.511.163.836	1.503.742.347
Công cụ, dụng cụ	279.716.848	132.636.105
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.740.911	-
Thành phẩm	225.755.479	-
Hàng hoá	90.816.933.278	73.690.395.055
Hàng gửi đi bán	-	45.632.053
	<u>135.238.805.745</u>	<u>75.649.210.688</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
	<u>135.238.805.745</u>	<u>75.649.210.688</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tài sản cố định khác VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2010	243.232.035.056	34.410.508.738	24.339.318.551	3.220.206.858	1.494.903.318	306.696.972.521
Tăng do hợp nhất	21.086.431.759	80.193.409.909	65.488.932.654	4.369.003.327	21.332.610.962	192.470.388.611
Mua sắm mới	4.905.216.798	24.087.943.473	2.735.712.191	1.215.749.506	17.624.040	32.962.246.008
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	84.674.231.015	259.525.061.889	61.167.119.921	-	-	405.366.412.825
Thanh lý, nhượng bán	-	(121.090.910)	(1.635.152.617)	(30.480.252)	-	(1.786.723.779)
Điều chỉnh khác	(591.338.535)	(1.132.397.470)	(252.672.076)	(20.344.054)	-	(1.996.752.135)
Tại ngày 31/12/2010	353.306.576.093	396.963.435.629	151.843.258.624	8.754.135.385	22.845.138.320	933.712.544.051
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 1/1/2010	13.408.188.127	2.544.072.244	15.232.107.276	2.051.266.998	133.962.260	33.369.596.905
Tăng do hợp nhất	12.675.107.886	27.767.303.631	13.927.428.851	3.426.588.862	14.423.628.172	72.220.057.402
Trích trong năm	23.196.267.359	27.410.063.200	13.849.991.014	1.210.183.823	1.431.335.764	67.097.841.160
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	(12.109.090)	(1.371.219.010)	(11.028.250)	-	(1.394.356.350)
Điều chỉnh khác	(4.329.175.059)	(13.378.775.613)	(3.342.048.283)	(269.087.139)	-	(21.319.086.094)
Tại ngày 31/12/2010	44.950.388.313	44.330.554.372	38.296.259.848	6.407.924.294	15.988.926.196	149.974.053.023
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2010	308.356.187.780	352.632.881.257	113.546.998.776	2.346.211.091	6.856.212.124	783.738.491.028
Tại ngày 31/12/2009	229.823.846.929	31.866.436.494	9.107.211.275	1.168.939.860	1.360.941.058	273.327.375.616

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, tài sản cố định của Công ty bao gồm một số tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 61.072.096.841 đồng.

Như trình bày tại các thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp nhà xưởng, máy móc thiết bị trị giá 187.851.835.264 đồng theo hợp đồng tín dụng số 1607 LAV 201000261 ngày 6 tháng 4 năm 2010, hợp đồng tín dụng số 1607 LAV 201000751 ngày 29 tháng 9 năm 2010 và hợp đồng tín dụng số 153.10.105658917 HDTH ngày 28 tháng 6 năm 2010, và toàn bộ giá trị tài sản cố định còn lại của Công ty CP CNG Việt Nam là công ty con của Công ty đã được hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 với giá trị là 157.913.301.509 đồng, để đảm bảo cho các khoản tín dụng

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2010, tỷ lệ khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty CP CNG Việt Nam có sự thay đổi. Ban Giám đốc tin rằng việc áp dụng tỷ lệ khấu hao mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty này. Việc thay đổi tỷ lệ khấu hao tài sản làm chi phí khấu hao trong năm 2010 tăng lên 6.379.687.209 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAMLầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2010	-	1.521.235.000	1.521.235.000
Thuê tài chính trong năm	47.933.998.993	6.027.513.977	53.961.512.970
Tại ngày 31/12/2010	<u>47.933.998.993</u>	<u>7.548.748.977</u>	<u>55.482.747.970</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2010	-	654.976.182	654.976.182
Khấu hao trong năm	-	559.003.324	559.003.324
Tại ngày 31/12/2010	-	<u>1.213.979.506</u>	<u>1.213.979.506</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2010	<u>47.933.998.993</u>	<u>6.334.769.471</u>	<u>54.268.768.464</u>
Tại ngày 31/12/2009	-	<u>866.258.818</u>	<u>866.258.818</u>

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Thương hiệu VND	Phần mềm máy tính VND	Giá trị quyền thuê VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2010	11.533.595.145	-	127.230.585	-	11.660.825.730
Tăng do hợp nhất	-	-	1.070.448.371	-	1.070.448.371
Tăng trong năm	2.036.774.678	1.464.370.376	-	-	3.501.145.054
Tăng khác	-	-	-	4.288.007.246	4.288.007.246
Tại ngày 31/12/2010	<u>13.570.369.823</u>	<u>1.464.370.376</u>	<u>1.197.678.956</u>	<u>4.288.007.246</u>	<u>20.520.426.401</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2010	60.095.000	-	125.686.142	-	185.781.142
Tăng do hợp nhất	-	-	944.812.139	-	944.812.139
Khấu hao trong năm	45.314.864	79.166.977	46.463.179	-	170.945.020
Tại ngày 31/12/2010	<u>105.409.864</u>	<u>79.166.977</u>	<u>1.116.961.460</u>	-	<u>1.301.538.301</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2010	<u>13.464.959.959</u>	<u>1.385.203.399</u>	<u>80.717.496</u>	<u>4.288.007.246</u>	<u>19.218.888.100</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>11.473.500.145</u>	-	<u>1.544.443</u>	-	<u>11.475.044.588</u>

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tại ngày 1 tháng 1	28.227.038.598	15.393.023.506
Tăng thêm trong năm	432.621.609.182	222.721.690.766
Tăng do hợp nhất	658.264.561	-
Kết chuyển sang hàng tồn kho	(178.273.099)	-
Kết chuyển sang tài sản cố định	(405.366.412.825)	(209.887.675.674)
Kết chuyển sang chi phí quản lý doanh nghiệp	(116.757.073)	-
	<u>55.845.469.344</u>	<u>28.227.038.598</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAMLầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty CP CNG Việt Nam	Vũng Tàu	35,67%	60%	Kinh doanh khí CNG
Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam	Đồng Nai	55%	55%	Kinh doanh khí hóa lỏng

Trong năm 2010, Công ty đã mua 55% phần vốn điều lệ của Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam (sau đây gọi tắt là "VT GAS") từ Tổng Công ty khí Việt Nam và trở thành công ty mẹ của công ty này kể từ ngày 1 tháng 8 năm 2010.

Trong năm 2010, Công ty đã mua thêm cổ phần của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (sau đây gọi tắt là "CNG"). Theo đó, đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty sở hữu 35,67% vốn điều lệ của CNG và có tỷ lệ biểu quyết nắm giữ theo Điều lệ của CNG là 60%. Vì vậy, CNG trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày 1 tháng 8 năm 2010.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Đầu tư vào các công ty liên kết	50.040.701.639	37.264.500.000
Phân lợi nhuận, cổ tức được chia đã nhận	-	-
	50.040.701.639	37.264.500.000

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Số tiền đầu tư tại 31/12/2010 VNĐ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny	Long An	20,83	20,83	50.040.701.639	Cho thuê kho LPG

Theo Quyết định góp vốn số 01/QĐ-KMN ngày 24 tháng 3 năm 2009, tổng số vốn Công ty cam kết góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny là 50 tỷ đồng theo tiến độ thời gian là 3 năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã góp đủ số vốn góp đã cam kết.

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam	(i) 17.254.328.270	17.254.328.270
Công ty Cổ phần phân phối Khí thấp áp	(ii) -	56.100.000.000
	17.254.328.270	73.354.328.270
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(2.401.110.827)	(2.401.110.827)
	14.853.217.443	70.953.217.443

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAMLầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

- (i) Phản ánh khoản đầu tư góp vốn với Công ty Cổ phần Dịch vụ - Du lịch dầu khí và Tổng Công ty Cổ phần Tài chính dầu khí để thành lập Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 36/HĐHTKD/SETCO-PVGAS-PVFC ngày 14 tháng 3 năm 2003. Số vốn của Công ty góp vào Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam chiếm 20% tổng số vốn góp của hợp đồng hợp tác kinh doanh này.
- (ii) Theo Nghị Quyết số 14/NQ-KMN ngày 24 tháng 9 năm 2010 của Hội đồng Quản trị Công ty, về việc “Chấp thuận chủ trương bán cổ phần tại Công ty Cổ phần Phân phối khí thấp áp dầu khí Việt Nam PV GAS D”. Theo đó, Công ty đã bán toàn bộ cổ phần đang nắm giữ tại PVGAS D từ ngày 1 tháng 10 năm 2010.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí vỏ bình gas chờ phân bổ	252.466.881.499	121.583.401.009
Chi phí bảo trì bình gas	2.995.417.501	-
Trả trước tiền thuê đất	14.116.824.063	15.888.034.270
Trả trước thuê văn phòng	47.201.014.479	-
Chi phí khác	106.082.661	-
	<u>316.886.220.203</u>	<u>137.471.435.279</u>

- (1) Giá trị vỏ bình gas biến động trong năm như sau:

	2010	2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 1 tháng 1	121.583.401.009	130.918.326.744
Tăng do hợp nhất	76.738.615.316	-
Tăng thêm trong năm	93.765.031.773	25.013.741.654
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(37.047.975.980)	(20.943.439.970)
Thanh lý	(2.572.190.619)	(13.405.227.419)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>252.466.881.499</u>	<u>121.583.401.009</u>

- (2) Tiền thuê đất trả trước bao gồm:

- Tiền thuê đất tại Gò Dầu phản ánh số tiền thuê 9.210 m2 được trả trước 5 năm cho Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai với thời hạn thuê là 20 năm kể từ ngày 1 tháng 8 năm 2008; và
 - Tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Xuân A phản ánh số tiền thuê 6.675 m2 trả trước cho Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam với thời hạn thuê là 43,6 năm kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2008.
- (3) Tiền thuê văn phòng trả trước phản ánh số tiền thuê 670,02 m2 được trả trước 50 năm cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với thời hạn thuê là 50 năm kể từ ngày 1 tháng 10 năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAMLầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Đại Dương	50.000.000.000	-
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quân Đội	26.706.301.818	-
PVFC - chi nhánh Hồ Chí Minh	73.241.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	138.567.308.833	29.973.442.913
	<u>288.514.610.651</u>	<u>29.973.442.913</u>

Khoản tín dụng ngắn hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương theo hình thức tín chấp có thời hạn trong vòng 6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Tổng dư nợ không vượt quá 50.000.000.000 đồng. Lãi vay được trả hàng tháng với lãi suất vay là 13,0%/năm và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Vốn vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động.

Khoản tín dụng ngắn hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội theo hình thức tín chấp, thời hạn vay trong vòng 3 tháng kể từ ngày nhận nợ. Tổng dư nợ không vượt quá 50.000.000.000 đồng. Lãi vay được trả hàng tháng với lãi suất vay là 17,5%/năm. Vốn vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động.

Khoản tín dụng ngắn hạn với PVFC - chi nhánh Hồ Chí Minh theo hình thức tín chấp, có thời hạn vay đến ngày 18 tháng 1 năm 2011, chịu lãi suất 8,4%/năm.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	1.509.564.555	19.540.805
Thuế xuất, nhập khẩu	40.000	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	898.365.988
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.537.166.025	733.597.060
Thuế thu nhập cá nhân	1.034.344.804	124.728.400
	<u>37.081.115.384</u>	<u>1.776.232.253</u>

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chiết khấu bán hàng	992.853.409	1.577.635.845
Phải trả vay nợ gas	-	59.551.500
Kinh phí công đoàn	290.601.571	327.887.319
Bảo hiểm xã hội	5.768.706	24.168.900
Bảo hiểm y tế	90.654.365	14.551.076
Bảo hiểm thất nghiệp	6.137.254	1.538.348
Cổ tức phải trả	32.193.929.115	189.826.709
Các khoản khác	18.119.475.760	2.938.298.498
	<u>51.699.420.180</u>	<u>5.133.458.195</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAMLầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vô bình gas nhận được từ khách hàng. Biến động về khoản tiền ký cược vô bình gas nhận được trong năm như sau:

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tại ngày 1 tháng 1	61.000.303.224	66.496.061.333
Tăng do hợp nhất	70.697.129.593	-
Tăng thêm trong năm	26.648.855.442	11.263.360.000
Kết chuyển vào doanh thu (*)	(25.286.195.014)	(10.127.504.951)
Thanh lý hợp đồng ký quỹ vô bình gas với khách hàng	(1.977.741.879)	(6.631.613.158)
Kết chuyển vào thu nhập khác(**)	(1.783.837.117)	-
Tại ngày 31 tháng 12	<u>129.298.514.249</u>	<u>61.000.303.224</u>

(*) Kết chuyển tiền nhận được từ ký cược, ký quỹ vô bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 2 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, doanh thu phân bổ tiền nhận ký quỹ vô bình gas được xác định dựa trên tiền ký quỹ nhận được nhân (x) với tỷ lệ phân bổ giá trị vô bình xuất dùng. Tổng giá trị tiền ký cược vô bình gas được ghi nhận vào doanh thu trong năm 2010 là 25.286.195.014 đồng (trong năm 2009 là 10.127.504.951 đồng).

(**) Theo Thông tư 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010, kể từ ngày 1 tháng 10 năm 2010, tiền ký quỹ vô bình gas được phân bổ vào thu nhập khác.

20. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)	225.000.000.000	125.000.000.000
PVFC- chi nhánh Sài Gòn	63.803.610.220	51.698.488.385
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT	57.023.929.470	-
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quân Đội	51.706.000.000	-
Tổng các khoản vay	<u>397.533.539.690</u>	<u>176.698.488.385</u>
Công ty TNHH 1 thành viên cho thuê tài chính – Sacombank	119.706.750	406.962.753
Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu	40.829.213.393	-
Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	483.175.538	-
Tổng các khoản nợ dài hạn	<u>41.432.095.681</u>	<u>406.962.753</u>
Tổng cộng	<u>438.965.635.371</u>	<u>177.105.451.138</u>

Các khoản vay dài hạn

Vay dài hạn bao gồm các khoản vay dài hạn các ngân hàng thương mại và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu Khí Việt Nam. Gốc nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm 631.276.817.272 đồng; 3.078.757 euro và 5.491.757 đô la Mỹ. Các khoản vay này có thời hạn từ 3 đến 7 năm và chịu lãi suất lãi tiền vay euro tối thiểu 5,5% một năm và vay Việt Nam đồng là 8,3% đến 15% một năm.

Các khoản vay này được sử dụng để tài trợ các công trình xây dựng các dự án CNG và các kho chứa Dung Quất, Gò Dầu. Công ty sử dụng nhà xưởng, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải để thế chấp cho các khoản vay như đã trình bày ở Thuyết minh số 8.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAMLầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Nợ dài hạn**

Nợ dài hạn bao gồm các khoản nợ thuê tài chính có thời hạn thuê là 5 năm. Các khoản nợ thuê tài chính này chịu lãi suất cho thuê tài chính là 15% đến 16% một năm và được điều chỉnh 3 tháng/lần.

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	138.567.308.833	29.973.442.913
Trong năm thứ hai	131.681.297.132	59.673.305.493
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	298.603.987.273	103.332.557.904
Sau năm năm	8.680.350.966	14.099.587.741
	577.532.944.204	207.078.894.051
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(138.567.308.833)</u>	<u>(29.973.442.913)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>438.965.635.371</u>	<u>177.105.451.138</u>

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Chủ sở hữu cổ phần đó có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản của Công ty.

Tại Nghị quyết số 02/NQ-DVKT-DHĐCĐ ngày 12 tháng 10 năm 2010, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã phê duyệt phương án phát hành thêm 22.124.400 cổ phần, tương đương 221.244.000.000 đồng, để tăng vốn điều lệ của Công ty. Theo đó, vốn điều lệ sửa đổi của Công ty là 380.000.000.000 đồng (trước đây là 158.756.000.000 đồng) theo như được phê chuẩn tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305097236 ngày 24 tháng 2 năm 2011. Đến ngày 31 tháng 1 năm 2011, số cổ phần phát hành thêm này đã được các cổ đông góp đủ vốn. Vào ngày 25 tháng 2 năm 2011, số cổ phần tương ứng với phần vốn điều lệ tăng thêm đã được Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận nguyên tắc niêm yết bổ sung.

Tình hình góp vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Tên cổ đông	Theo chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại	
			31/12/2010	31/12/2009
	<u>VND</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng Công ty Khí Việt Nam	118.699.000.000	74,77	86.099.000.000	118.699.000.000
Các cổ đông khác	40.057.000.000	25,23	72.657.000.000	31.301.000.000
	158.756.000.000	100	158.756.000.000	150.000.000.000

Số lượng cổ phần Công ty đăng ký và đã phát hành ra công chúng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 15.875.600 cổ phần (31 tháng 12 năm 2009: 15.000.000 cổ phần). Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAMLầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Nguồn vốn kinh doanh VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1/1/2009	150.000.000.000	-	4.070.631.057	2.035.315.529	7.412.497.318	163.518.443.904
Lãi trong năm	-	-	-	-	39.973.530.512	39.973.530.512
Trích quỹ	-	-	3.997.353.051	1.998.676.526	(9.993.382.628)	(3.997.353.051)
Thù lao HĐQT	-	-	-	-	(327.000.000)	(327.000.000)
Trả cổ tức	-	-	-	-	(6.750.000.000)	(6.750.000.000)
Chi quỹ	-	-	-	(173.981.273)	-	(173.981.273)
Tại ngày 31/12/2009	150.000.000.000	-	8.067.984.108	3.860.010.782	30.315.645.202	192.243.640.092
Tăng vốn trong năm	8.756.000.000	2.454.149.698	-	-	-	11.210.149.698
Lãi trong năm	-	-	-	-	225.685.449.993	225.685.449.993
Trích từ lợi nhuận	-	-	96.120.573.020	9.521.552.728	(119.977.784.986)	(14.335.659.238)
Trả cổ tức	-	-	-	-	(63.605.460.000)	(63.605.460.000)
Quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(358.847.142)	-	(358.847.142)
Tại ngày 31/12/2010	158.756.000.000	2.454.149.698	104.188.557.128	13.022.716.368	72.217.850.209	350.639.273.403

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Công ty Cổ phần kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam, Công ty Cổ phần kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam đã tạm trích lập quỹ dự phòng tài chính theo tỷ lệ tương ứng 5% trên lợi nhuận sau thuế của năm 2010, quỹ khen thưởng phúc lợi theo 3 tháng lương.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty Cổ phần kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam đã tạm trích lập "Quỹ đầu tư phát triển" với số tiền là 96.120.573.020 đồng với tỷ lệ tương ứng là 50,5% trên lợi nhuận sau thuế của năm 2010. Theo Quy chế Quản lý tài chính của Công ty Cổ phần kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam, số trích lập các quỹ hàng năm của Công ty Cổ phần kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam sẽ phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam.

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 03/NQ-KMN ngày 16 tháng 4 năm 2010, Công ty công bố chi trả tạm ứng cổ tức năm 2009 đợt 1 là 10% mệnh giá tương đương 1.000 đồng/cổ phần tương ứng với số tiền 15.000.000.000 đồng. Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 12/NQ-KMN ngày 25 tháng 8 năm 2010, Công ty công bố chi trả cổ tức đợt 2 năm 2009 là 8,5% mệnh giá tương đương 850 đồng/cổ phần tương ứng với số tiền 13.490.260.000 đồng.

Theo Thông báo số 119-KMN-HĐQT ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Công ty Cổ phần kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam, Công ty Cổ phần kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam tạm trích cổ tức năm 2010 là 20% mệnh giá tương đương 2.000 đồng/cổ phần tương ứng với số tiền 31.751.200.000 đồng. Tỷ lệ và số cổ tức năm 2010 sẽ được điều chỉnh khi được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua. Số cổ tức tạm trích này đã được thanh toán cho cổ đông vào ngày 6 tháng 1 năm 2011.

22. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

	VT GAS VNĐ	CNG VNĐ
Vốn điều lệ của công ty con	57.895.360.840	125.000.000.000
Trong đó:		
Vốn phân bổ cho Công ty	31.843.596.851	44.581.650.000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	26.051.763.989	80.418.350.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	45,00%	64,33%

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAMLầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2010:

	VT GAS VNĐ	CNG VNĐ	Tổng VNĐ
Tài sản thuần			
Chi tiết như sau:			
Vốn điều lệ	57.895.360.840	125.000.000.000	182.895.360.840
Vốn thặng dư	-	1.695.680.000	1.695.680.000
Các quỹ khác	-	610.000.000	610.000.000
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	32.991.866.474	-	32.991.866.474
Lợi nhuận chưa phân phối đến ngày mua	39.176.623.817	36.711.598.275	75.888.222.092
Lợi nhuận chưa phân phối sau ngày mua	<u>10.068.086.748</u>	<u>69.159.207.046</u>	<u>79.227.293.794</u>
Lợi ích của cổ đông thiểu số	63.056.592.445	150.013.345.667	213.069.938.112
Chi tiết như sau:			
Vốn điều lệ	26.051.763.989	80.418.350.000	106.470.113.989
Vốn thặng dư	-	1.090.910.302	1.090.910.302
Các quỹ khác	-	392.441.548	392.441.548
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	14.845.685.500	0	14.845.685.500
Lợi nhuận chưa phân phối đến ngày mua	17.628.703.626	23.618.289.273	41.246.992.899
Lợi nhuận chưa phân phối sau ngày mua	<u>4.530.439.330</u>	<u>44.493.354.544</u>	<u>49.023.793.874</u>

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh cho gian đoạn từ 1 tháng 8 năm 2010 (ngày mua - Thuyết minh số 12) đến ngày 31 tháng 12 năm 2010:

	VT GAS VNĐ	CNG VNĐ	Tổng VNĐ
Lợi nhuận trong kỳ	10.068.086.748	69.159.207.046	79.227.293.794
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	<u>4.530.439.330</u>	<u>44.493.354.544</u>	<u>49.023.793.874</u>

23. BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Dưới đây là phân tích doanh thu của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Khu vực TPHCM	2.177.428.074.465	1.390.949.066.752
Khu vực Nha Trang	294.946.760.719	182.399.046.489
Khu vực Cần Thơ	453.799.138.377	213.993.057.481
Khu vực Vũng Tàu	543.459.640.906	169.103.429.736
Khu vực khác	275.584.033.229	22.420.647.231
	<u>3.745.217.647.696</u>	<u>1.978.865.247.689</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAMLầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận.

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Khu vực TPHCM	1.306.876.402.256	924.667.657.463
Khu vực Nha Trang	95.767.054.733	53.774.118.853
Khu vực Cần Thơ	208.423.976.071	125.413.571.852
Khu vực Vũng Tàu	433.503.851.079	70.690.588.378
Khu vực Đồng Nai	522.093.517.918	158.839.561
Khu vực khác	184.645.698.653	56.973.191.862
	<u>2.751.310.500.710</u>	<u>1.231.677.967.969</u>
24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Doanh thu khí hóa lỏng	3.170.432.976.421	1.808.342.354.901
Doanh thu xăng dầu nhớt	99.435.288.786	65.670.483.101
Doanh thu phân bón	9.868.323.813	37.185.676.191
Doanh thu từ tiền đặt cọc bình gas	11.286.971.767	10.127.504.951
Doanh thu khí CNG	437.878.161.114	24.223.405.114
Doanh thu khác	16.315.925.795	33.315.823.431
Doanh thu thuần	<u>3.745.217.647.696</u>	<u>1.978.865.247.689</u>
25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.996.665.835	13.162.393.031
Lãi trái phiếu, cổ tức và lợi nhuận được chia	-	19.909.890.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	22.431.390.000	-
Lãi chênh lệch tỉ giá thực hiện	4.407.436.596	2.066.893.219
Doanh thu hoạt động tài chính khác	147.262.500.000	-
	<u>186.097.992.431</u>	<u>35.139.176.250</u>
26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ		
	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Chi phí mua khí hóa lỏng	2.901.173.361.676	1.691.393.600.839
Chi phí mua xăng, dầu, nhớt	96.657.712.439	61.557.330.279
Chi phí nhân viên	53.410.564.887	32.813.280.342
Chi phí phân bổ vỏ bình gas	22.712.873.545	20.943.439.970
Chi phí thuê kho	4.523.103.102	12.440.097.530
Chi phí vận chuyển	104.694.848.622	7.747.744.373
Chi phí khấu hao	53.845.136.204	12.193.517.262

Dưới đây là một số khoản mục chi phí chủ yếu phát sinh trong năm như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAMLầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***27. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2010	2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền vay	32.273.633.849	12.615.531.243
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	801.110.827
Lỗi chênh lệch tỉ giá thực hiện	7.320.905.190	2.889.383.352
Lỗi chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	7.643.698.682	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	932.712.831	2.190.523.825
	<u>48.170.950.552</u>	<u>18.496.549.247</u>

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2010	2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	37.315.896.294	4.407.313.565
Thuế TNDN được giảm	-	(1.322.194.070)
Thuế TNDN bổ sung sau quyết toán	-	333.046.894
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	40.075.963	-
	<u>37.355.972.257</u>	<u>3.418.166.389</u>

Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam, công ty mẹ, có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận đầu tư cho hoạt động kinh doanh của khí CNG, hoạt động kinh doanh khí CNG sẽ được hưởng thuế suất thuế TNDN là 20% trong suốt thời gian hoạt động, được miễn thuế hai năm và giảm 50% cho sáu năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế. Năm 2009 là năm đầu tiên hoạt động kinh doanh khí CNG có thu nhập chịu thuế, Công ty được miễn thuế TNDN trên thu nhập chịu thuế này.

Công ty CP CNG Việt Nam, công ty con, có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm kể từ khi đi vào hoạt động và theo tỷ lệ 25% cho các năm tiếp theo. Ngoài ra, Công ty CP CNG Việt Nam được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% thuế suất áp dụng nêu trên cho 6 năm tiếp theo.

Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam, công ty con, có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2010	2009
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	225.685.449.993	39.973.530.512
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	225.685.449.993	39.973.530.512
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.506.169	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	14.555	2.665
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAMLầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam	2.648.743.957	-
Tổng công ty Phân bón và Hoá chất dầu khí Việt Nam	611.361.594	-
Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	1.697.544.854	-
Công ty TNHH khí hóa lỏng Việt Nam	<u>391.397.641.497</u>	<u>-</u>
Mua hàng		
Tổng Công ty Khí Việt Nam	1.101.844.202.364	1.275.969.514.912
Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam	49.864.582.273	28.740.076.490
Tổng công ty Phân bón và Hoá chất dầu khí Việt Nam	9.747.000.000	20.284.500.000
Tổng Công ty dầu khí Việt Nam PV Oil	59.450.027.270	46.182.632.000
Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	4.031.789.260	9.018.839.193
Ban quản lý Dự án nhà máy Lọc Dầu Dung Quất	573.873.381.823	579.947.113.739
Công ty TNHH MTV lọc hóa dầu Bình Sơn	<u>1.093.686.715.928</u>	<u>-</u>
Thu nhập của HĐQT và Ban Giám đốc	<u>2.271.573.225</u>	<u>2.759.461.840</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Đầu tư ngắn hạn		
Công ty Tài chính dầu khí (tiền gửi có kỳ hạn)	<u>-</u>	<u>10.196.777.779</u>
Phải thu		
Công Ty TNHH Khí Hóa Lỏng Việt Nam	210.983.206.259	5.108.722.158
Công ty CP Kinh doanh khí hoá lỏng Miền Bắc	355.944.315	-
Công ty cổ phần CNG Việt Nam	343.831.619	-
Tổng Công ty Phân bón và hóa chất dầu khí - Cty Cổ phần	-	16.185.584.466
Công ty KD các sản phẩm Khí	<u>-</u>	<u>10.907.379.334</u>
Phải thu khác		
Công ty cổ phần CNG Việt Nam	4.458.165.000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dầu khí Biển	<u>1.090.877.209</u>	<u>-</u>

Phải trả

Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam		
- <i>Vay dài hạn</i>	327.060.350.966	206.398.350.966
- <i>Lãi vay dự trả</i>	4.197.196.769	2.868.053.570
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam		
- <i>Phí sử dụng nhãn hiệu</i>	2.603.501.814	-
- <i>Vay dài hạn Tập đoàn</i>	-	206.398.350.966
Tổng Công ty Khí Việt Nam	377.272.568.457	244.096.051.889
Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam	6.455.896.941	11.440.443.616
Công ty CP Kinh doanh khí hoá lỏng Miền Bắc	629.640.000	554.250.000
Tổng Công ty dầu Việt Nam (PV Oil)	-	3.928.788.001
Ban quản lý Dự án nhà máy Lọc Dầu Dung Quất	-	248.791.550.392

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Xí nghiệp Phân phối khí Thấp áp Vũng Tàu	49.445.121.017	9.950.807.120
Tổng công ty CP xây lắp Dầu khí Việt Nam -PVC	-	9.536.015.935
Công ty TNHH MTV xây lắp Đường ống bồn bể Dầu khí	-	5.199.917.638
Công ty TNHH MTV XD Công Nghiệp và dân dụng dầu khí	-	168.576.469
Công ty CP DV vận tải dầu khí Cửu Long	39.000.000	10.841.500
Công Ty CP truyền thông dầu khí VN - PV Media	-	251.681.870
Công Ty TNHH MTV Thương Mại Và DV Dầu Khí Biển	-	19.486.770
Công ty CP Vận Tải SP khí Quốc Tế (Gas Shipping)	-	13.760.376.904
Công ty Bảo Hiểm DK Vũng Tàu	581.371.709	374.572.070
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	362.075.872.640	-
Công ty cổ phần tập đoàn năng lượng dầu khí	9.111.721.462	-
Công ty cổ phần tư vấn và thiết kế dầu khí	1.787.404.251	-

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có khoản cam kết liên quan đến việc thuê văn phòng với thời hạn là 3 năm và lịch thanh toán như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	464.364.096	3.429.107.465
Từ năm thứ hai đến năm thứ 5	849.849.907	8.383.762.739
	<u>1.314.214.003</u>	<u>11.812.870.204</u>

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Theo hướng dẫn Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, khoản mục Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trình bày là một khoản nợ ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán. Theo đó, Công ty đã thực hiện phân loại lại khoản mục Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 nhằm mục đích so sánh với số liệu của kỳ kế toán hiện hành.

Số liệu so sánh là các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam được lập vào ngày 5 tháng 3 năm 2010.

33. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được Hội đồng Quản trị phê duyệt phát hành vào ngày 17 tháng 3 năm 2011.
